TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HC-PT
Ngày: 04 - 8 - 2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: bà Võ Thị Ngọc Dung
ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 168/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2025 V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2025/QĐ-PT ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Phạm Thị Thùy N, sinh năm 1979; địa chỉ: số D đường Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là số D đường Q, xã N, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1985; địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố Đ, phường B, thành phố Đà Nẵng), có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đà Nẵng). Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Châu S1, chức vụ - Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thiều Hiền M, chức vụ - Phó Chủ tịch, có Đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Nguyễn Phước N1, chức vụ - chuyên viên Phòng kinh tế.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1954, có mặt;

3.2. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1958, có Đơn xét xử vắng mặt;

3.3. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977, có Đơn xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số D đường Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là số D đường Q, xã N, thành phố Đà Nẵng).

Người kháng cáo: UBND huyện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nội dung Đơn khởi kiện, trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Năm 2021, hộ gia đình bà Phạm Thị Thùy N có diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N. Vì không đồng ý với việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ nên cha mẹ của bà N là ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Đ khởi kiện vụ án hành chính.

Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2022/HC-PT ngày 01/07/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận nội dung khởi kiện của ông T, bà Đ: hủy các quyết định liên quan đến thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đã ban hành trước đó và buộc Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường hỗ trợ đất cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích 300 m^2 đất ở; bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang sinh sống trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực và Quyết định buộc thi hành án hành chính số 14/2022/QĐ-THA ngày 14/09/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Ngày 17/5/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3260/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40);

- Quyết định số 3261/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40). Theo Quyết định số 3261/QĐ-UBND thì UBND huyện N không bố trí đất ở tại khu tái định cư cho vợ chồng ông V, bà N mà chỉ bồi thường tổng cộng số tiền 643.547.710 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng); trong đó bồi thường, hỗ trợ về nhà ở và vật kiến trúc là 588.237.710 đồng (Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm mười đồng).

Không đồng ý với Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 nêu trên, vợ chồng ông V, bà N làm đơn đề nghị UBND huyện N bố trí đất ở tái định cư cho ông bà. Ngày 01/8/2023, UBND huyện ban hành Công văn số 1587/UBND-TNMT với nội dung *"Đối với vợ chồng Nguyễn Thanh V và Phạm Thị Thùy N không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, căn cứ các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh thì không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư".*

Không đồng ý với Công văn số 1587/UBND-TNMT ngày 01/8/2023, vợ chồng bà N tiếp tục gửi Đơn đến UBND huyện N đề nghị bố trí đất tái định cư, nhưng đến nay vẫn không có thông tin nào phản hồi từ UBND huyện.

Nguồn gốc đất:

Diện tích đất bị thu hồi có 300 m^2 là đất ở thuộc quyền sử dụng chung của gia đình, trên diện tích đất ở bị thu hồi có nhà ở của vợ chồng bà N. Vợ chồng bà N kết hôn năm 1999, sau đó được gia đình bà N là hộ ông Phạm Văn T cho đất và cho vợ chồng bà N sửa nhà để ở từ khi kết hôn. Số Sổ hộ khẩu vợ chồng bà N được cấp là số 1155, căn nhà bà N đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận số nhà 1183/UB-CN ngày 12/01/2010, số nhà bà N được mang số 11. Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà N đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nhà đất đầy đủ, vợ chồng bà N không có đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn N; vợ chồng, con cái bà N thực tế sinh sống trên thửa đất bị thu hồi nhưng không được bố trí đất tái định cư. Hơn nữa, phần quyết định của các bản án hành chính sơ, phúc thẩm có hiệu lực pháp luật đã tuyên: *"...buộc UBND huyện bố trí đất cho hộ là các con ông T"* ... nhưng UBND huyện cố tình không thi hành đúng bản án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của vợ chồng bà N và không đúng với các quy định của pháp luật.

Vì vậy, bà Phạm Thị Thùy N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

+ Hủy Công văn số 1587/UBND-TNMT ngày 01/08/2023 của UBND huyện N về việc trả lời đơn của hộ ông Nguyễn Thanh V và Phạm Thị Thùy N thường trú tại khối B, thị trấn N, huyện N;

+ Buộc UBND huyện Núi Thành bố trí 01 (một) lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) huyện N (đợt 40).

2. Tài liệu chứng cứ và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Về quá trình thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Thực hiện chủ trương thu hồi đất triển khai dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, hộ ông Phạm Văn T có đất bị ảnh hưởng được UBND huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND ngày 16/7/2020. Trên cơ sở thông báo thu hồi đất đã được ban hành, UBND huyện đã chỉ đạo Trung tâm Bồi thường và Giải phóng mặt bằng thuộc Công ty Cổ phần Đ1 phối hợp với UBND thị trấn N, chủ đầu tư và hộ gia đình cá nhân tiến hành kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản, công trình, vật kiến trúc của các hộ bị ảnh hưởng để triển khai dự án. Hộ ông Phạm Văn T có đất đai, công trình, vật kiến trúc được kiểm kê riêng.

Đối với ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N, trên cơ sở Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng ngày 23/7/2020 đã được lập giữa cơ quan làm nhiệm vụ bồi thường và giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư, chính quyền địa phương có sự thống nhất của ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N (chủ sở hữu tài sản) thể hiện: ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N có tài sản là nhà cửa, cây cối… tồn tại trên thửa đất số 15 và 38 thuộc Mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 21/5/2020 do ông Phạm Văn T là người quản lý, sử dụng (ông V và bà N không có đất bị thu hồi).

Ngày 25/11/2020, UBND thị trấn N tiến hành họp Hội đồng tư vấn thị trấn N, qua đó xác nhận hộ ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N có nhà ở, công trình, vật kiến trúc… xây dựng bị lập Biên bản xử phạt hành chính, nên không đủ cơ sở để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở kết quả họp xét của UBND thị trấn N, ngày 26/5/2021 UBND huyện ban hành Quyết định số 3451/QĐ-UBND và Quyết định số 3452/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn quan thị trấn N, huyện N. Theo các quyết định trên, hộ ông Phạm Văn T bị thu hồi loại đất nuôi trồng

thủy sản (NTS) để thực hiện dự án. Đồng thời, ban hành Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) - đợt 32 tại thị trấn N, huyện N.

Ngày 01/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3614/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) - đợt 32 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 01/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn quan thị trấn N) - đợt 32 tại thị trấn N, huyện N, theo đó ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N chỉ được bồi thường đối với cây trồng trên đất với số tiền 6.398.000 đồng.

Ngày 03/6/2021, UBND thị trấn N phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra hiện trạng xác minh vật kiến trúc có trên thửa đất của ông Phạm Văn T và ông Trần Quốc N2. Ngày 10/6/2021, Trung tâm B thuộc Công ty Cổ phần Đ1 phát hành Công văn số 24/BT đề xuất mức bồi thường một số thành phần công trình, nhà ở, vật kiến trúc của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N).

Ngày 23/6/2021, UBND huyện N ban hành Công văn số 830/UBND-TNMT phúc đáp Công văn số 24/BT ngày 10/6/2021 của Trung tâm Bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc Công ty Cổ phần Đ1.

Ngày 05/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4522/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) - đợt 35 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 13/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 14828/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) - đợt 36 tại thị trấn N, huyện N.

Trên cơ sở Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng ngày 23/7/2020 đã lập, ngày 03/8/2021 UBND huyện N ban hành Quyết định số 15861/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính

từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) - đợt 36 tại thị trấn N, huyện N, theo đó ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N được bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ theo tỷ lệ 80% với số tiền 418.185.349 đồng.

Tại thời điểm UBND huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất ngày 16/7/2020 đến ngày UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vào ngày 26/5/2021, ông Nguyễn Thanh V bà Phạm Thị Thùy N đang có đất ở tại thửa đất số 86 (lô CL 22/59-9), tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: khu dân cư thị trấn N (giai đoạn A), thị trấn N, huyện N. Đồng thời, ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không phải là đối tượng bị thu hồi đất, do đó không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư theo quy định.

Không thống nhất với loại đất bị thu hồi tại Quyết định số 3451/QĐ-UBND, Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện N, hộ ông Phạm Văn T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 01/03/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Bản án số 09/2022/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai.

Không thống nhất với Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, UBND huyện N kháng cáo bản án nêu trên đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày 01/7/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2022/HC-PT về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Thực hiện các bản án trên, UBND huyện N tiến hành các thủ tục thu hồi đất, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể như sau:

Do trước đây (năm 2021) xác định loại đất thu hồi là đất nuôi trồng thủy sản (NTS) nhưng theo kết quả bản án là đất ở, để có giá đất cụ thể thực hiện bồi thường theo quy định, UBND huyện N giao cho các phòng, ban liên quan xây dựng và ban hành Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đường trục chính từ khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (Phạm vi thực hiện khoảng 353,8 m²) đối với hộ ông Phạm Văn T.

Ngày 19/4/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2809/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C tại thị trấn N, huyện N cho ông Phạm Văn T với loại đất ở đô thị (ODT) và đất trồng cây lâu năm.

Ngày 17/5/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3259/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) huyện N (đợt 40); địa điểm thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Hộ ông Phạm Văn T, ngoài vị trí thửa đất ở bị thu hồi thực hiện dự án không còn thửa đất khác trên địa bàn thị trấn N, đồng thời ông có Đơn đề nghị giao một lô đất để làm nhà. Do đó, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40), qua đó bồi thường 100% giá trị đối với nhà ở, tài sản và giao 01 lô đất tái định cư phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo quy định. Đến nay, hộ gia đình ông T đã nhận toàn bộ tiền bồi thường và giải phóng mặt bằng theo Phiếu chi tiền số 416 ngày 26/9/2023 do Trung tâm Bồi thường và Giải phóng mặt bằng thuộc Công ty CP Đ1 lập.

Căn cứ vào Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng ngày 23/7/2020 đã được xác lập, trên cơ sở thực tế sử dụng ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không phải là đối tượng có đất bị thu hồi, có tài sản trên đất của ông Phạm Văn T. Đồng thời, tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất ông V và bà N có đất ở khác trên địa bàn thị trấn N. Do đó, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40), qua đó bồi thường 100% giá trị đối với nhà ở, tài sản hợp pháp hiện có, không bố trí tái định cư cho ông V và bà N là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N tại thời điểm thu hồi đất năm 2021, ông V bà N có đất ở thuộc thửa đất số 86 (lô CL 22/59-9), tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: khu dân cư thị trấn N (giai đoạn A), thị trấn N, huyện N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 729439 do Sở T cấp ngày 04/5/2021. Đồng thời, ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không phải là đối tượng bị thu hồi đất để triển khai dự án, do đó không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư theo quy định. Đến năm 2023 (ông V và bà N đã chuyển nhượng lô đất nêu trên), khi thực hiện các bản án của Tòa án nhân dân các cấp, UBND huyện đã ban hành lại Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T thì thực chất là xác định lại loại đất theo bản án đã tuyên chứ không phát sinh tình tiết mới, do đó ông V và bà N không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư theo quy định của UBND tỉnh

Q và cũng không phải trường hợp đặc biệt để làm cơ sở báo cáo UBND tỉnh xem xét giao đất theo quy định.

Vì vậy, UBND huyện N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị Thùy N.

- *Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện*: thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy N3.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 143; Điều 165; Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy N3 về việc: hủy Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C, đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 40).

2. Căn cứ Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Điều 74; Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013. Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở. Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N đối với Ủy ban nhân dân huyện N:

- Hủy Công văn số 1587/UBND-TNMT ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời đơn của hộ ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N, thường trú tại: khối B, thị trấn N, huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí 01 (một) lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 29/3/2023, UBND huyện N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện. Người bị kiện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày: người bị kiện kháng cáo nhưng đề nghị xét xử vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của UBND huyện N là trong thời hạn luật định. Người bị kiện kháng cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng) đã quyết định chấp nhận Đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bị kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 29/3/2023, UBND huyện N kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của UBND huyện N là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện tự nguyện rút một phần nội dung khởi kiện về việc: hủy Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N) huyện N (đợt 40). Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 143; Điều 165; Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ xét xử đối với nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm, người bị kiện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 01/8/2023, UBND huyện N ban hành Công văn số 1587/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của hộ ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N với nội dung: ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thì ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư. Ngày 14/5/2024, bà Phạm Thị Thúy N3 nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N:

[3.1] Thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C tại thị trấn N, huyện N, ngày 16/7/2020 UBND huyện N ban hành Thông báo thu hồi đất số 167/TB-UBND. Ngày 26/5/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3451/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N thu hồi diện tích 292,9m^2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, thuộc thửa đất số 15 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020; Quyết định số 3452/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N thu hồi diện tích 57,2 m^2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 04-2020. Đồng thời, ban hành Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32).

[3.2] Ngày 01/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3614/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32) - hỗ trợ cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ số tiền 62.112.600 đồng và Quyết định số 3615/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32) - ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N được bồi thường đối với cây trồng trên đất với số tiền 6.398.000 đồng. Ngày 05/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4522/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T, Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ

Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 35) - hỗ trợ cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ số tiền 191.265.208 đồng.

[3.3] Ngày 13/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 14828/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt C). Trên cơ sở Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng ngày 23/7/2020, ngày 03/8/2021 UBND huyện N ban hành Quyết định số 15861/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt C) - ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N được bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ theo tỷ lệ 80% với số tiền 418.185.349 đồng.

[3.4] Không thống nhất với loại đất bị thu hồi tại các quyết định nêu trên của UBND huyện N, ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ (cha mẹ bà N) đã khởi kiện hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2022/HC-PT ngày 01/07/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử và quyết định: không chấp nhận Đơn kháng cáo của UBND huyện N và Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh X, bà Phạm Thị Ánh L1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Huỷ Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; huỷ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; huỷ Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 01/6/2021; huỷ Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; huỷ Quyết định số 15861/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 đều của UBND huyện N; buộc UBND huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đất cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích loại đất ở 300 m^2 và loại đất khác còn lại là 53,8m^2 đối với diện tích đất bị thu hồi theo thực tế và bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang ở trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Thực hiện các bản án hành chính nêu trên, UBND huyện N tiến hành lại các thủ tục thu hồi đất, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể như sau:

Ban hành Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C tại thị trấn N, huyện N đối với hộ ông Phạm Văn T với nội dung: thu hồi 353,8 m^2, trong đó có 300 m^2 đất ở đô thị (ODT) và 53,8 m^2 đất trồng cây lâu năm (CLN) của hộ ông Phạm Văn T tại thửa đất số 15, (toàn bộ thửa đất) thuộc Mảnh trích

đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 06-2021 được Văn phòng Đ2 duyệt ngày 08/12/2021 (Theo hồ sơ đăng ký 60/CP tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04);

Ban hành Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N) huyện N (đợt 40), địa điểm thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

Ban hành Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn T1 và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40) - bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ 100% giá trị đối với nhà ở, tài sản với số tiền 2.478.151.160 đồng và bố trí đất tái định cư tại lô đất số A9-23 thuộc khu tái định cư T II (giai đoạn 1) thị trấn N, huyện N cho ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ, ông bà phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo quy định;

Ban hành Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N), huyện N (đợt 40) - bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N 100% giá trị đối với nhà ở, tài sản hợp pháp hiện có với số tiền tổng cộng 643.574.710 đồng. Ngày 19/6/2023, UBND huyện N có Quyết định số 4246/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (điều chỉnh, bổ sung), theo đó bổ sung cho ông V, bà N số tiền 10.120.000 đồng. Không bố trí tái định cư cho ông V và bà N với lý do: thời điểm để làm căn cứ xem xét bố trí tái định cư cho vợ chồng ông V, bà N là tính từ thời điểm UBND huyện N ban hành Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021. UBND huyện đã ban hành lại quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T thực chất là xác định lại loại đất theo bản án đã tuyên chứ không phát sinh tình tiết mới.

[3.5] Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng: tại thời điểm UBND huyện N thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thì các quyết định liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ được ban hành năm 2021 không còn có hiệu lực pháp luật (đã bị hủy theo các bản án hành chính có hiệu lực pháp luật). Vì vậy phải căn cứ thời điểm thu hồi đất vào năm 2023. Hơn nữa, kể cả tính thời điểm thu hồi đất trước đây thì phải xét tại thời điểm có Thông báo thu hồi đất (16/7/2020). Cả hai thời điểm trên thì vợ chồng bà N, ông V không có đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn N, huyện N, nên đủ điều kiện được xem xét bố trí tái định cư.

[3.6] Theo Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Q ban hành quy định trình tự, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam như sau: Kế hoạch thu hồi đất (Điều 4); chuẩn bị hồ sơ địa chính cho diện tích đất bị thu hồi (Điều 5); Thông báo thu hồi đất (Điều 6); Thông báo kiểm đếm hiện trạng và xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 7); tổ chức kiểm đếm đất đai, tài sản của người có đất thu hồi (Điều 8); xác nhận tình trạng pháp lý về đất, nhà, vật kiến trúc trên đất, cây trồng, vật nuôi và các nội dung kê khai khác (Điều 9); tổ chức xét bố trí tái định cư (Điều 10); lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điều 11); lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điều 12); hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điều 13); thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điều 14)…. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 6 của quyết định này cũng quy định "*Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là căn cứ pháp lý để Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Chủ đầu tư thực hiện việc kiểm đếm, xác định giá đất cụ thể, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*".

[3.7] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng thừa nhận: năm 2023 khi UBND huyện N thực hiện trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ đất là căn cứ vào quyết định thu hồi đất năm 2023, quyết định thu hồi đất năm 2021 đã bị hủy, không còn có hiệu lực pháp luật. Năm 2023, UBND huyện N tiến hành lại các thủ tục thu hồi đất, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể: ban hành Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 đối với hộ ông Phạm Văn T; Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023.

Trong đó, Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 mới xác định thu hồi 353,8 m^2, trong đó có 300 m^2 đất ở đô thị (ODT) và 53,8 m^2 đất trồng cây lâu năm (CLN) của hộ ông Phạm Văn T tại thửa đất số 15 (toàn bộ thửa đất). Còn trước đó do UBND huyện xác định thu hồi diện tích 292,9 m^2, loại đất nuôi trồng thuỷ sản, thuộc thửa đất số 15 (toàn bộ thửa đất) nên đã không xem xét bố trí tái định cư. Việc xác định loại đất của U bị sai dẫn tới các chế độ chính sách của hộ gia đình ông T, trong đó có gia đình bà N không đảm bảo.

[3.8] Hơn nữa, quyết định của các bản án hành chính sơ, phúc thẩm được nêu trên đang có hiệu lực pháp luật với nội dung: "… *buộc Ủy ban nhân huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đất cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích loại đất ở 300 m^2 và loại đất khác còn lại là 53,8m^2 đối với diện tích đất bị thu hồi theo thực tế và bố trí tái định cư cho*

hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang ở trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật".

Điều 74 Luật Đất đai năm 2013định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

"1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".

Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở:

"*Điều 6*: *Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:*

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình".

[3.9] Ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thúy N3 kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào ngày 07/12/1999. Theo Bảng tổng hợp

xác định nhân khẩu hộ gia đình dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C đoạn quan thị trấn N (đợt 40) ngày 27/4/2023 của Công an thị trấn N thể hiện: ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N sống chung trên thửa đất bị thu hồi của ông T (có nhà ở riêng xây dựng năm 2006). Giấy xác nhận của UBND thị trấn N ngày 21/11/2024 thể hiện "*tại thời điểm hiện nay, theo hồ sơ dữ liệu tại thị trấn N thì ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không có đất ở*". Biên bản xác minh ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với Chi nhánh Văn phòng Đ3 thể hiện: "... *Theo hồ sơ CSDL thì từ thời điểm ngày 28/5/2021 cho đến nay (ngày 14/02/2025), ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N không có đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn N*". Như vậy, tại thời điểm Thông báo thu hồi đất năm 2020 cũng như thực hiện lại thủ tục thu hồi đất năm 2023 thì gia đình ông V, bà N không có đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn N, huyện N.

"Điều 40. Diện tích đất ở được giao tại khu tái định cư

2. Được giao 02 (hai) lô đất ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch chi tiết phân lô được duyệt tại khu tái định cư nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi và không vượt quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình có 02 (hai) cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có 02 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi;

...

7. Điều kiện để giao đất tái định cư đối với cặp vợ chồng thứ hai trở lên hoặc đối với hộ gia đình thứ hai trở lên (trường hợp có chung quyền sử dụng thửa đất ở thu hồi) hoặc đối với lô tái định cư thứ hai trở lên tính theo nhân khẩu phải đảm bảo:

a) Vợ hoặc chồng phải đăng ký thường trú tại địa chỉ thửa đất ở bị thu hồi, thực tế cùng chung sống trên thửa đất ở thu hồi và đăng ký kết hôn trước khi có Thông báo thu hồi đất.

Riêng đối với các nhân khẩu phát sinh tự nhiên hoặc trường hợp vợ/chồng đăng ký thường trú tại địa chỉ thửa đất ở bị thu hồi trước thời điểm thông báo thu hồi đất mà đăng ký kết hôn sau thời điểm Thông báo thu hồi đất thì được xác định đến trước thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp cặp vợ chồng không có giấy đăng ký kết hôn, thì phải có xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

b) Không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi".

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, người bị kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của UBND huyện N là không có căn cứ chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của UBND huyện N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 143; Điều 165; Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N về việc: hủy Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi Cảng K và Sân bay C, đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 40).

3. Áp dụng Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Điều 74; Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013. Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở. Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N đối với Ủy ban nhân dân huyện N:

- Hủy Công văn số 1587/UBND-TNMT ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời đơn của hộ ông Nguyễn Thanh V và Phạm Thị Thùy N, thường trú tại: khối B, thị trấn N, huyện N;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí 01 (một) lô đất tái định cư cho ông Nguyễn Thanh V và bà Phạm Thị Thùy N theo đúng quy định pháp luật.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền Ủy ban nhân dân huyện N đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000359 ngày 02/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Ngọc Dung **Phùng Anh Dũng** **Trần Quốc Cường**